

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIO LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-ST

Ngày: 13/8/2024

“Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Tạ Thanh Tuấn;

Các hội thẩm nhân dân: ông Lê Đình Luận;

ông Hồ Văn Quý.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gio Linh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gio Linh tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐST-DS ngày 29/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S tiền có ngay; địa chỉ trụ sở chính: số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Kanokwatpaisal N – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N1, sinh năm: 1991; địa chỉ: số H Quốc lộ I, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (*Theo Văn bản ủy quyền số 442/2024/UQ-SVN ngày 05/5/2024*); có mặt.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 2001; địa chỉ: thôn M, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 10/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06/6/2023, bà Nguyễn Thị G đã ký với Công ty TNHH S tiền có ngay – Chi nhánh Đ, Quảng Trị Hợp đồng cầm cố tài sản số DHM230601004NA21X, số đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ1: Giaodichbaodam/botuphap: 1506342572 theo web: <http://dktructuyen.moj.gov.vn/> để cầm cố tài sản là 01 xe mô tô hai bánh BKS 74B1-275.11, loại xe Honda Vision; màu Đen; số khung: RLHJK0315MY009464, số máy: JK03E0617620; giấy chứng

nhận đăng ký xe mô tô số 003387 do Công an tỉnh Q cấp ngày 23/12/2021 để nhận số tiền 17.600.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 12 (mười hai) tháng (từ ngày 06/6/2023 - 06/6/2024); lãi suất 1,1%/tháng; lãi quá hạn (phí trễ hạn) bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân. Sau khi ký hợp đồng cầm cố tài sản, do nhu cầu cần xe đi lại nên cùng ngày 06/6/2023, bà Nguyễn Thị G đã ký giấy mượn xe với Công ty TNHH S tiền có ngay để mượn lại xe mô tô hai bánh BKS 74B1-275.11 làm phương tiện đi lại với thời hạn là 01 (một) tháng từ 06/6/2023 – 06/7/2023; địa điểm trả xe là Chi nhánh Đ, Quảng Trị. Quá trình thực hiện hợp đồng, đến nay bà G chưa thanh toán tiền gốc và lãi phát sinh và cũng không trả lại xe đã mượn cho Công ty. Mặc dù Công ty đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà G vẫn cố tình không thực hiện việc trả nợ vay và xe đã mượn cho Công ty.

Vì vậy, Công ty TNHH S tiền có ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án xử buộc bà Nguyễn Thị G phải thanh toán số tiền vay là 23.869.000 đồng còn nợ tính đến ngày 10/5/2024:

Trong đó nợ gốc: 14.833.693 đồng, lãi: 922.561 đồng, phí quản lý hồ sơ: 419.346 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn: 5.280.000 đồng, phí trễ hạn (lãi quá hạn): 2.413.278 đồng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe mô tô hai bánh BKS 74B1-275.11, loại xe Honda Vision mà bà G đã cầm cố. Buộc bà G phải trả lại xe đã cầm cố cho Công ty. Ngoài ra bà G còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày Tòa án ra quyết định hoặc bản án cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn Công ty TNHH S tiền có ngay xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu buộc bà G thực hiện gồm:

- + Khoản phí quản lý hồ sơ 419.346 đồng,
- + một phần lãi quá hạn: 793.775đ.

+ Trường hợp bị đơn thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ thì Công ty TNHH S tiền có ngay có quyền xử lý tài sản bảo đảm là xe mô tô hai bánh BKS 74B1-275.11, loại xe Honda Vision, màu Đen; số khung: RLHJK0315MY009464, số máy: JK03E0617620 theo Hợp đồng cầm cố tài sản, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh Đ 01- Công ty TNHH S tiền có ngay số DHM230601004NA21X ngày 06/6/2023.

+ Buộc Bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ phải trả lại xe đã mượn cho công ty để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ.

Yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị G phải thanh toán cho Công ty TNHH S tiền có ngay số tiền 22.656.000 đồng còn nợ tính đến ngày 13/08/2024 bao gồm: nợ gốc: 14.833.693đ, Lãi: 922.561đ, T lãi quá hạn: 1.619.503 đồng; Phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 5.280.000đ. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị G còn tiếp tục chịu lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ gốc và lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cầm cố đã ký kết. Kể từ ngày bản án có hiệu lực công ty có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị G thi hành án theo qui định của pháp luật.

* Bị đơn bà **Nguyễn Thị G**: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà **G**, nhưng bà **G** không có mặt và cũng không có ý kiến gì. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập lần hai cho bà **G** đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà **G** vẫn vắng mặt

* Ý kiến Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã tiến hành tố tụng, giải quyết, xét xử vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định; người đại diện theo uỷ của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều Điều 70, 71, 86 BLTTDS; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70 và 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 309, 310, 311, 312, 312, 314, 315, 316, 468 của BLDS; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty TNHH S1** - đối với bà **Nguyễn Thị G** về: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”.

- Buộc bà **Nguyễn Thị G** phải trả cho **Công ty TNHH S1** số tiền tính đến ngày 13/8/2024 số tiền 22.656.000đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc: 14.833.693đ , Lãi: 922.561đ, T lãi quá hạn: 1.619.503đ; Phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 5.280.000đ. Ngoài ra, bà **Nguyễn Thị G** còn tiếp tục chịu lãi suất phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ gốc và lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng cầm cố đã ký kết.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà **G** phải:

+ Trả khoản phí quản lý hồ sơ 419.346 đồng,

+ Số tiền lãi quá hạn: 793.775 đồng,

+ Trường hợp bị đơn bị đơn thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ thì **Công ty TNHH S** tiền có ngay có quyền xử lý tài sản bảo đảm là xe mô tô hai bánh BKS 74B1-275.11, loại xe Honda Vision, màu Đen; số khung: RLHJK0315MY009464, số máy: JK03E0617620 theo Hợp đồng cầm cố tài sản, kèm giấy mượn xe đã ký với **Chi nhánh Đ** 01- **Công ty TNHH S** tiền có ngay số DHM230601004NA21X ngày 06/6/2023;

+ Buộc Bà **Nguyễn Thị G** có nghĩa vụ phải trả lại xe xe mô tô hai bánh BKS 74B1-275.11, loại xe **Honda V** đã mượn cho **công ty S** tiền có ngay để đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ.

3. Về án phí: Bà **Nguyễn Thị G** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2024, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì các bên đương sự tranh chấp Hợp đồng cầm cố tài sản đã ký giữa Công ty TNHH S tiền có ngay và bà Nguyễn Thị G, nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thôn M, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gio Linh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng cầm cố tài sản được hai bên giao kết và thực hiện từ sau ngày 01/01/2017, nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các điều luật của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tại nơi cư trú và tại UBND xã G nơi bà Nguyễn Thị G cư trú theo quy định của pháp luật. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà G vẫn vắng mặt lần thứ hai mà không do trở ngại khách quan hoặc vì sự kiện bất khả kháng, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà G là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung: Hợp đồng cầm cố tài sản DHM230601004NA21X, số đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ1: Giaodichbaodam/botuphap: 1506342572 theo web: <http://dktructuyen.moj.gov.vn/ngày 06/6/2023>, bà Nguyễn Thị G đã ký với Công ty TNHH S tiền có ngay – Chi nhánh Đ, Quảng Trị thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định của bộ luật dân sự, là giao dịch hợp pháp, có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch theo quy định tại các Điều 309, 310, 311, 312, 312, 314, 315 và 316 của BLDS. Tài sản bà G cầm cố là 01 xe mô tô hai bánh BKS 74B1-275.11, loại xe Honda Vision; màu Đen; số khung: RLHJK0315MY009464, số máy: JK03E0617620 do Công an tỉnh Q cấp ngày 23/12/2021 để nhận số tiền 17.600.000 đồng (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Tại Hợp đồng cầm cố hai bên thoả thuận thời hạn cầm cố là 12 (mười hai) tháng (06/6/2023 - 06/6/2024); lãi suất 1,1%/tháng; lãi quá hạn (phí trễ hạn) bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe 3%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Do đó, số tiền mà bà G phải trả cho nguyên đơn như sau:

- Đối với số tiền nợ gốc: Sau khi cầm cố tài sản, bà G đã nhận số 17.600.000 (mười bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà G đã thanh toán 2.766.307 tiền nợ gốc và 372.438đ tiền lãi. Sau đó không thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc và lãi phát sinh. Tính đến ngày 13/8/2024, bà G còn nợ nguyên đơn 14.833.693đ đồng tiền gốc. Do bà G đã vi phạm các điều khoản ký trong hợp đồng cầm cố tài sản số DHM230601004NA21X ngày 06/6/2023 là không trả nợ đúng hạn. Vì vậy, cần buộc bà G phải trả cho nguyên đơn - Công ty TNHH S tiền có

ngay số tiền gốc còn thiếu là 14.833.693 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 309, 310, 311, 312, 314, 315 và 316 của BLDS.

- *Đối với số tiền lãi và phí:* Quá trình thực hiện hợp đồng, bà **G** không thanh toán cho nguyên đơn tiền gốc và lãi phát sinh. HĐXX thấy rằng: Mặc dù đây không phải là hợp đồng vay tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự, nhưng các bên có thoả thuận về lãi suất ghi trong hợp đồng cầm cố tài sản và không trái với quy định trong BLDS, nên cần chấp nhận tính lãi suất từ khi bà **G** vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 07/9/2023, bà **G** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng thoả thuận trong hợp đồng cầm cố số DHM230601004NA21X ngày 06/6/2023 mà bà **G** đã ký với nguyên đơn, nên bà **G** phải chịu lãi trong hạn, phí trễ hạn (lãi quá hạn) gồm: lãi trong hạn 922.561 đồng, lãi quá hạn từ ngày 07/9/2023 đến ngày 13/8/2024 là 1.619.503 đồng.

- *Đối với tiền phí bảo dưỡng và hao mòn xe:* Sau khi ký hợp đồng cầm cố tài sản, cùng ngày 06/6/2023, nguyên đơn và bà **G** có ký thoả thuận mượn xe đối với xe mô tô hai bánh BKS 74B1-275.11, loại xe Honda Vision; màu Đen; số khung: RLHJK0315MY009464, số máy: JK03E0617620 do **Công an tỉnh Q** cấp ngày 23/12/2021 để làm phương tiện đi lại với thời hạn là 01 (một) tháng từ 06/6/2023 đến ngày 06/7/2023; quá thời hạn mượn mà bà **G** không trả xe về cho chi nhánh thì vẫn phải chịu phí bảo dưỡng và hao mòn xe theo thoả thuận. Nhưng sau khi mượn xe, bà **G** đã sử dụng từ đó cho đến nay vẫn không trả lại xe và phí mượn xe như thoả thuận mà hai bên đã ký. Hội đồng xét xử nhận thấy, hai bên ký cam kết mượn xe là phù hợp với quy định tại Điều 314 của BLDS. Bà **G** đã vi phạm nghĩa vụ cam kết trong giấy mượn xe nên phía nguyên đơn yêu cầu bà **G** phải tiếp tục thanh toán tiền phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn của 10 kỳ (tháng) với số tiền 5.280.000đ (10 kỳ x 528.000đ) đúng theo thoả thuận trong Giấy mượn xe và phù hợp với quy định tại Điều 314 của BLDS nên cần chấp nhận.

Như vậy, tính đến ngày 13/8/2024 bà **G** còn có nghĩa vụ phải thanh toán cho **Công ty TNHH S** tiền có ngay số tiền gốc, lãi và phí là: 22.656.000đ đồng, trong đó nợ gốc 14.833.693 đồng, lãi: 922.561 đồng, lãi quá hạn: 1.619.503 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 5.280.000 đồng.

Tại phiên toà, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện: Buộc bị đơn phải thanh toán đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền là: 419.346 đồng và 793.775đ đồng lãi quá hạn; Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ số tiền còn thiếu cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản bảo đảm là xe mô tô hai bánh BKS 74B1-275.11, loại xe Honda Vision; màu Đen; số khung: RLHJK0315MY009464, số máy: JK03E0617620 do **Công an tỉnh Q** cấp ngày 23/12/2021 theo hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với **Chi nhánh Đ, Quảng Trị - Công ty TNHH S** tiền có ngay số DHM230601004NA21X ngày 06/6/2023. Bà **Nguyễn Thị G** phải trả lại cho **Công ty TNHH S** tiền có ngay 01 xe mô tô hai bánh BKS 74B1-275.11 do **Công an tỉnh Q** cấp ngày 23/12/2021 mang tên **Nguyễn Thị G** đã mượn cho công ty để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ, nên bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 468 của BLDS; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S tiền có ngay - đối với bà Nguyễn Thị G về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”.

Buộc bà Nguyễn Thị G phải trả cho Công ty TNHH S tiền có ngay số tiền tính đến ngày 13/8/2024 là: 22.656.000 đồng, trong đó nợ gốc 14.833.693 đồng, lãi: 922.561 đồng, lãi quá hạn: 1.619.503 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 5.280.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (13/8/2024), Bà Nguyễn Thị G còn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố tài sản số DHM230601004NA21X ngày 06/6/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm:

- Buộc bị đơn phải thanh toán đối với khoản tiền phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền là: 419.346 đồng và 793.775đ đồng lãi quá hạn;

- Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ số tiền còn thiếu cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản bảo đảm là xe mô tô hai bánh BKS 74B1-275.11, loại xe Honda Vision; màu Đen; số khung: RLHJK0315MY009464, số máy: JK03E0617620 do Công an tỉnh Q cấp ngày 23/12/2021 theo hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh Đ, Quảng Trị - Công ty TNHH S tiền có ngay số DHM230601004NA21X ngày 06/6/2023.

- Buộc bà Nguyễn Thị G phải trả lại cho Công ty TNHH S tiền có ngay 01 xe mô tô hai bánh BKS 74B1-275.11 do Công an tỉnh Q cấp ngày 23/12/2021 mang tên Nguyễn Thị G đã mượn cho công ty để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị G phải chịu 1.132.800 đồng án phí DSST. Hoàn trả cho Công ty TNHH S tiền có ngay số tiền tạm ứng án phí 597.000 đồng (năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng) đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/2023 số 0000198 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/8/2024); bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Gio Linh;
- Chi cục THADS huyện Gio Linh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thanh Tuấn